|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH  TRƯỜNG/KHOA/VIỆN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ THỰC TẬP CUỐI KHOÁ**

*(Dành cho giảng viên hướng dẫn)*

1. Họ và tên sinh viên:……………………………………..Ngày sinh: ……... /…...…/…………

2. Mã sinh viên:……………………………………………Ngành đào tạo:……………………..

3. Thời gian thực tập: Từ ngày ……………………………đến ngày…………………………....

4. Giảng viên hướng dẫn:………………………………… Điện thoại:…………………………

5. Đơn vị thực tập:………………………………………………………………………………..

6. Tiêu chí và điểm đánh giá theo chuẩn đầu ra học phần Thực tập cuối khoá (CLO):

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần, tiêu chí, chỉ báo đánh giá** | | **Khoảng điểm** | **Trọng số**  **[Điểm số]** |
| **CLO1.1.** | **Vận dụng được kiến thức học thuật và kiến thức thực tế của ngành trong việc thực hiện các nhiệm vụ thực tập.** |  | **50%** |
| *Tiêu chí 1:* Vận dụng kiến thức học thuật. | Vận dụng được kiến thức học thuật để thực hiện đúng, đầy đủ, sáng tạo các nhiệm vụ thực tập. | 9,5-10 | *60%*  [ ] |
| Vận dụng được kiến thức học thuật để thực hiện đúng, đầy đủ các nhiệm vụ thực tập. | 8,0-9,4 |
| Vận dụng được kiến thức học thuật để thực hiện đúng, hoàn thành phần lớn các nhiệm vụ thực tập. | 5,0-7,9 |
| Chưa kết nối được kiến thức học thuật với các nhiệm vụ thực tập. | 0-4,9 |
| *Tiêu chí 2:* Vận dụng kiến thức thực tế. | Sử dụng một cách có ý nghĩa các kết nối giữa các trải nghiệm thực tế để hiểu sâu hơn về các vấn đề chuyên môn và mở rộng quan điểm riêng. | 9,5-10 | *40%*  [ ] |
| Lựa chọn và phát triển một cách hiệu quả các ví dụ về trải nghiệm thực tế để làm sáng tỏ các khái niệm/lý thuyết của các lĩnh vực nghiên cứu. | 8,0-9,4 |
| So sánh các trải nghiệm thực tế với kiến ​​thức học thuật để suy ra sự khác biệt cũng như điểm tương đồng và thừa nhận các quan điểm khác với quan điểm của mình. | 5,0-7,9 |
| Xác định mối liên hệ giữa các trải nghiệm thực tế với những văn bản và ý tưởng học thuật được coi là tương tự và liên quan đến sở thích riêng. | 0-4,9 |
| **CLO3.2.** | **Áp dụng thành thạo kỹ năng viết để trình bày báo cáo thực tập.** |  | **50%** |
| *Tiêu chí 1:* Phát triển nội dung báo cáo. | Phần đặt vấn đề thể hiện sự hiểu biết thấu đáo về bối cảnh, đối tượng và mục đích đáp ứng các nhiệm vụ được giao. | 9,5-10 | *20%*  [ ] |
| Phần đặt vấn đề thể hiện sự cân nhắc đầy đủ về bối cảnh, đối tượng và mục đích cũng như sự tập trung rõ ràng vào các nhiệm vụ được giao (ví dụ: nhiệm vụ phù hợp với đối tượng, mục đích và bối cảnh) | 8,0-9,4 |
| Thể hiện nhận thức về bối cảnh, đối tượng, mục đích và (các) nhiệm vụ được giao (ví dụ: bắt đầu thể hiện nhận thức về nhận thức và giả định của đối tượng. | 5,0-7,9 |
| Thể hiện sự chú ý tối thiểu đến bối cảnh, khán giả, mục đích và (các) nhiệm vụ được giao (ví dụ: kỳ vọng người hướng dẫn hoặc bản thân là khán giả). | 0-4,9 |
| *Tiêu chí 2:* Trình bày các thông tin và minh chứng cho hoạt động thực tập. | Thể hiện việc sử dụng khéo léo các nguồn có liên quan, đáng tin cậy, chất lượng cao để phát triển các ý tưởng phù hợp với các nhiệm vụ thực tập được giao. | 9,5-10 | *80%*  [ ] |
| Thể hiện việc sử dụng nhất quán các nguồn có liên quan, đáng tin cậy để hỗ trợ các ý tưởng phù hợp với các nhiệm vụ thực tập được giao. | 8,0-9,4 |
| Thể hiện nỗ lực sử dụng các nguồn đáng tin cậy và/hoặc có liên quan để hỗ trợ các ý tưởng phù hợp với các nhiệm vụ thực tập được giao. | 5,0-7,9 |
| Thể hiện nỗ lực sử dụng các nguồn để hỗ trợ các ý tưởng phù hợp với các nhiệm vụ thực tập được giao. | 0-4,9 |

7. Thành tích nổi bật của sinh viên (nếu có):

8. Hạn chế đáng lưu ý của sinh viên (nếu có):

*..........., ngày....... tháng .... năm 2024*

GIẢNG VIÊN ĐÁNH GIÁ